TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 117/2022/HNGĐ-ST Ngày 12-7-2022 V/v không công nhận quan hệ vợ chồng, xác định cha cho con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Đặng Minh Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Huy Du

Bà Phạm Thị Hồng Thúy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, xác định cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1990; nơi ĐKHKTT: Số 164 gác 3 phố B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Khu E, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh Huang I, sinh năm 1986; nơi ĐKHKTT: Trung Quốc; hiện làm việc tại: Công ty K, số 505 đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Thành O, sinh năm 1992; nơi cư trú: số 27 P, quận N, thành phố Hải Phòng.

Cùng vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 07-6-2022 và các văn bản khác, nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị A và anh Huang I quen biết qua bạn bè giới thiệu, quyết định kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Trung Quốc ngày 08-10-2010

nhưng chưa thực hiện ghi chú kết hôn tại Việt Nam. Do anh Huang I làm việc tại Việt Nam nên sau khi kết hôn, hàng năm chị A và anh Huang I vẫn thường xuyên đi về giữa Việt Nam và Trung Quốc nhưng thời gian chung sống chủ yếu tại Việt Nam. Quá trình chung sống, giữa chị A và anh Huang I phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và sống ly thân từ năm 2013 đến nay, hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau.

Trong thời gian sống ly thân, năm 2016, chị A quen biết, phát sinh tình cảm và chung sống như vợ chồng với anh Nguyễn Thành O. Quá trình chung sống cùng anh O, chị A đã có thai và sinh một cháu bé gái vào ngày 21-11-2017, dự định đặt tên là Nguyễn Diệu Q. Do chị A có thai bé gái nêu trên trong thời kỳ hôn nhân giữa chị A và anh Huang I nên cháu bé không làm được giấy khai sinh.

Do đó, chị A khởi kiện:

+ Đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh Huang I.

+ Về con chung: Quá trình chung sống, chị A và anh Huang I có một con chung là Huang P, sinh ngày 18-9-2010. Từ năm 2013 đến nay, cháu Huang P ở cùng ông bà nội tại Trung Quốc. Do đó, khi ly hôn, chị A đồng ý để anh Huang I nuôi dưỡng cháu Huang P đến khi trưởng thành.

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A và anh Huang I tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị A và anh Huang I không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Xác định anh Nguyễn Thành O là cha của cháu bé gái dự định đặt tên là Nguyễn Diệu Q do chị A sinh ngày 21-11-2017 tại Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.

- Tại Giấy thỏa thuận ly hôn ngày 16-5-2022, bị đơn là anh Huang I trình bày:

Anh Huang I xác nhận mối quan hệ giữa anh Huang I và chị A được xác lập như chị A trình bày. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, khó có thể hàn gắn nên chị A có yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng, anh Huang I đồng ý.

Về con chung: Anh Huang I xác nhận quá trình chung sống với chị A có một con chung là Huang P, sinh ngày 18-9-2010. Khi ly hôn, anh Huang I đồng ý nuôi dưỡng cháu Huang P đến khi trưởng thành và tự thỏa thuận về tiền cấp dưỡng nuôi con chung với chị A.

Về tài sản chung: Anh Huang I xác nhận quá trình chung sống với chị A không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ngày 13-6-2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thành O trình bày:

Anh O thống nhất với lời trình bày của chị A về quan hệ giữa hai bên. Do chị A chung sống và có con chung với anh O trong thời kỳ hôn nhân với anh

Huang I nên không làm thủ tục khai sinh cho con chung được. Nay chị A có yêu cầu xác định cháu bé gái nêu trên là con của anh O, anh O nhất trí và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị A, anh Huang I, anh O vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, xác định cha cho con quy định tại khoản 4, khoản 8 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Vì lý do công việc, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, chị A, anh Huang I, anh O có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và xét xử vắng mặt. Đề nghị của chị A, anh Huang I, anh O phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án vắng mặt chị A, anh Huang I, anh O.

- *Về yêu cầu của đương sự:*

[3] Về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng: Chị A và anh Huang I kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Trung Quốc ngày 08 tháng 10 năm 2010 nhưng không ghi chú kết hôn tại Việt Nam. Do vậy quan hệ giữa chị A và anh Huang I chưa được luật pháp Việt Nam công nhận nên hôn nhân giữa họ không phải là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị A và anh Huang I không hạnh phúc nên sau 03 năm kết hôn hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống. Nay chị A đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh Huang I là phù hợp với tình trạng mối quan hệ giữa họ; phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị A và anh Huang I xác nhận quá trình chung sống có một con chung là Huang P, sinh ngày 18-9-2010. Khi ly hôn, chị A và anh Huang I thống nhất giao con chung cho anh Huang I nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và tự thỏa thuận về tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Huang P cũng có ý kiến trình bày xin được ở với bố. Xét thỏa thuận về nuôi con chúng giữa các đương sự là tự nguyện, phù hợp hoàn cảnh thực tế và qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị A và anh Huang I xác nhận không có, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6] Về xác định cha cho con: Chị A và anh O đều xác định cháu bé gái dự định đặt tên là Nguyễn Diệu Q do chị A sinh ngày 21-11-2017 là con đẻ của anh O. Tại Kết luận giám định số 47/KL-KTHS(SH) ngày 16-5-2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: *Anh Nguyễn Thành O và cháu Nguyễn Diệu Q, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2017, giấy chứng sinh số: 014407, quyển số 146/2017 cấp ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại Bệnh viện phụ sản Hải Phòng có quan hệ huyết thống trực hệ bố - con*. Như vậy, lời trình bày của chị A và anh O phù hợp với nhau và phù hợp với bản Kết luận giám định số 47/KL-KTHS(SH) ngày 16-5-2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị A về việc đề nghị xác định anh O là cha đẻ của cháu bé gái dự định đặt tên là Nguyễn Diệu Q do chị A sinh ngày 21-11-2017 - khoản 2 Điều 88, các Điều 89, 90, 91, khoản 2 Điều 101, Điều 102, khoản 2 Điều 128 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về án phí sơ thẩm:

[7] Chị A phải chịu án phí sơ thẩm về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định pháp luật; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chị A đã nộp - Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

[8] Chị A không phải chịu án phí xác định cha cho con theo quy định của pháp luật - khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[9] Anh O phải nộp tiền án phí xác định cha cho con theo quy định của pháp luật - khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Anh Huang I không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 88, các Điều 89, 90, 91, khoản 2 Điều 101, Điều 102, khoản 2 Điều 128 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị A:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nguyễn Thị A và anh Huang I.

2. Về việc nuôi con chung: Giao con chung là Huang P, sinh ngày 18-9-2010 cho anh Huang I nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Huang I tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị A có quyền thăm nom con chung, anh Huang I không được cản trở Chị Nguyễn Thị A thực hiện quyền này. Chị Nguyễn Thị A không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh Huang I.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Huang I không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra.

4. Về xác định cha cho con: Xác định anh Nguyễn Thành O là cha đẻ của cháu bé gái dự định đặt tên là Nguyễn Diệu Q do Chị Nguyễn Thị A sinh ngày 21-11-2017.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000514 ngày 08-6-2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Nguyễn Thành O phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm xác định cha cho con.

- Anh Huang I không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, Chị Nguyễn Thị A, anh Huang I, anh Nguyễn Thành O đều có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:
- Đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Minh Hạnh